

Bản án số 21/2020/HSST
Ngày 08 tháng 05 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thiện Thành

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến và ông Hoàng Quốc Trị

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Hồng Mơ - là thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông **Trần Hồng Minh** - Kiểm sát viên

Ngày 08/05/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2020/HSST ngày 23/03/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 04 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quốc T (*Tên gọi khác không*), sinh năm 1969; tại xã P, huyện V, tỉnh N; trú tại phố T, thị trấn M, huyện V, tỉnh N; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; nghề nghiệp: Bác sỹ; nơi làm việc: Trung tâm y tế huyện V, tỉnh N; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công Q (là thương binh) và bà Trần Thị N (đều đã chết); vợ Đinh Thị Mỹ H và có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2002; tiền án; tiền sự: Không;

Nhân thân: Quyết định số 09/QĐ-XPHC ngày 12/02/2015, Công an Đồn S, huyện V, tỉnh N xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi "Đánh bạc".

Bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Mạnh C (*Tên gọi khác Đặng Văn C*), sinh năm 1991; tại xã V, huyện V, tỉnh N; trú tại thôn 2, xã V, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn C (đã chết); và bà Đinh Thị X; vợ Trần Thị H và có 03 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2020; tiền án; tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án Hình sự sơ thẩm số 40/2008/HSST ngày 24/10/2008, của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh N xử phạt 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng 16 ngày về tội "Cướp tài sản";

Quyết định số 51 ngày 18/06/2010, Công an huyện V, tỉnh N xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 200.000 đồng về hành vi "Gây rối trật tự công cộng".

Quyết định số 165/QĐ-XPHC ngày 23/08/2012, Công an huyện V, tỉnh N xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 700.000 đồng về hành vi "Gây rối trật tự công cộng".

Bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T:**

Ông **Nguyễn Văn Tăng** - Luật sư – Văn phòng luật sư Nguyễn Tăng, Đoàn luật sư tỉnh N.(Có mặt).

*** Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Anh **Nguyễn Văn Á**, sinh năm 2000; trú tại thôn 2, xã V, huyện V, tỉnh N. (Có mặt tại phiên tòa).

Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1976; trú tại thôn 2, xã V, huyện V, tỉnh N. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn Á là công dân được Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện V ra Lệnh gọi khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự năm 2020 lần thứ 1, bản thân Á đã chấp hành và tham gia khám sức khỏe ngày 19/11/2019, kết quả Á đủ điều kiện sức khỏe để thực hiện các bước khám tuyển tiếp theo. Sau khi nhận được Lệnh gọi khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự lần thứ 2 vào ngày 27/12/2019, do không muốn đi nghĩa vụ quân sự, nên bà T1 đã động viên Á đi nghĩa vụ quân sự, nhưng Á không đồng ý nên bà T1 đã tìm gặp ông Vũ Anh T2, sinh năm 1959 (trú cùng thôn) nói với ông T2: “*Thằng Á nhà cháu nó phải đi bộ đội, bác xem có ai giúp được cho nó không phải đi nghĩa vụ không?*”; ông T2 trả lời: “*Để hỏi xem thằng C làm trong viện xem nó có giúp được không?*”. Sau đó ông T2 đã gặp Đặng Mạnh C để nhờ C tìm người giúp đỡ Á không phải đi nghĩa vụ quân sự nữa. C nhận lời và sử dụng điện thoại di động, lắp số thuê bao 0988.***** gọi đến số thuê bao 0886.***** của Nguyễn Quốc T nói: “*Cháu có thằng em nó không muốn đi nghĩa vụ, chú có giúp được cho nó không?*”. T trả lời: “*Để chú xem đã?*”. Đến ngày 26/12/2019, Á sử dụng điện thoại di động lắp số thuê bao 0333.***** gọi cho C trực tiếp nhờ C xin giúp mình không phải đi nghĩa vụ quân sự, C đồng ý rồi gọi điện thoại cho T. Bản thân T là bác sĩ, trước đây từng tham gia Hội đồng khám tuyển nghĩa vụ quân sự huyện V nên biết rõ quy trình khám sức khỏe, tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự, biết rõ Á đã tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự lần 1 và chuẩn bị tham gia khám tuyển lần 2 là khám sàng lọc HIV và ma túy, nên T nảy sinh ý định cho Á sử dụng thuốc Efferalgan Codein trước khi khám sức khỏe, khi Hội đồng khám tuyển nghĩa vụ quân sự xét nghiệm nước tiểu của Á bằng cách Test que thử sẽ cho kết quả dương tính với chất ma túy, nhằm làm cho Á không đủ điều kiện sức khỏe, không trúng tuyển nghĩa vụ quân sự. T sử dụng điện thoại di động, lắp số thuê bao 0886.977.555 nhắn tin cho Đặng Mạnh C đồng ý nhận

lời giúp với điều kiện: “Nếu ở nhà 01 năm thì chi phí xin là 7.000.000 đồng, nếu không phải đi nghĩa vụ mãi mãi thì phải chi phí là 10.000.000 đồng” và hẹn tối 26/12/2019 đưa tiền cho T. C báo lại cho Á biết là đã nhờ người xin được không phải đi nghĩa vụ, nếu ở nhà 01 năm thì chi phí xin là 7.000.000 đồng, không phải đi vĩnh viễn thì chi phí là 11.000.000 đồng (C tự ý nâng lên để chiếm hưởng số tiền 1.000.000 đồng), Á đồng ý và nói muốn xin không phải đi vĩnh viễn. Sau đó A về nhà nói lại với bà T1 và bảo bà T1 đưa số tiền 11.000.000 đồng (trước đây Ánh đi làm gửi tiền cho bà T1 giữ hộ) để Á đưa cho C. Do sợ Á bị lừa tiền nên tối ngày 26/12/2019, bà T1 cùng Á đến nhà Đặng Minh C để nói chuyện. Sau khi C khẳng định chắc chắn sẽ giúp được, bà T1 đưa cho Ánh số tiền 11.000.000 đồng và đi về nhà, còn C chở Á đến Trung tâm y tế huyện V để gặp T. Đến nơi, Á đưa cho C số tiền 11.000.000 đồng như đã thỏa thuận, C dẫn Á vào phòng làm việc của T để gặp T. Tại đây, T đưa cho Ánh 04 viên thuốc Efferalgan Codeine và hướng dẫn Á cách sử dụng: “*Trước khi đi ngủ uống 02 viên, sáng mai trước khi đi khám sức khỏe thì uống 02 viên*”, Á cầm thuốc T đưa và đi về nhà. Số tiền Á đưa, C đưa cho T 10.000.000 đồng, còn giữ lại 1.000.000 đồng để sử dụng cá nhân.

Thực hiện theo hướng dẫn của T, Á lấy 02 viên thuốc Efferalgan Codeine mà T vừa đưa ra uống. Đến sáng ngày 27/12/2019, trước khi đến trụ sở UBND xã V khám, Á uống tiếp 02 viên. Sau khi khám sức khỏe, kết quả xét nghiệm nước tiểu của Nguyễn Văn Á là dương tính với chất ma túy. Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện V tiếp tục có Lệnh gọi khám sức khỏe đối với Nguyễn Văn Á vào ngày 11/01/2020, Á đã gọi điện báo cho T biết. Sáng ngày 11/01/2020, T gọi điện thoại cho C bảo C đến phòng làm việc của T tại Trung tâm y tế huyện V lấy 04 viên thuốc Efferalgan Codeine để đưa cho Á sử dụng khi đi khám sức khỏe. C đến lấy thuốc tại phòng của Tuấn, sau đó gọi điện thoại hẹn Á đến nhà. Khoảng 11 giờ ngày 11/01/2020, Á đến gặp C lấy thuốc đem về nhà và uống luôn 02 viên, đến chiều ngày 11/01/2020 trước khi đi khám tuyển nghĩa vụ quân sự, Á uống tiếp 02 viên. Kết quả xét nghiệm nước tiểu của Á ngày 11/01/2020 là dương tính với chất ma túy.

Biết sự việc đã bị phát hiện, trước khi đến Cơ quan Công an, T đã đưa cho C số tiền 10.000.000 đồng để trả lại cho Á. Quá trình làm việc, C đã giao nộp lại toàn bộ số tiền 11.000.000 đồng cho Cơ quan CSĐT Công an huyện V.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKS-GV ngày 20/03/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố **Nguyễn Quốc T và Đặng Mạnh C** ra trước Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N để xét xử về tội “**Cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự**”, theo khoản 1 Điều 335 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc T và Đặng Mạnh C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xác nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự” là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Văn Á trong quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Anh là công dân được Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện V ra Lệnh gọi khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự năm 2020 và tham gia khám sức khỏe ngày 19/11/2019, kết quả đủ điều kiện sức khỏe để thực hiện các bước khám tuyển tiếp theo. Do không muốn đi nghĩa vụ quân sự nên ngày 26/12/2019, Á gọi cho C, nhờ C xin giúp mình không phải đi nghĩa vụ quân sự. Tối ngày 26/12/2019, Á cùng mẹ là bà Nguyễn Thị T1 đến nhà Đặng Minh C. Tại đây bà T1 đưa cho Á số tiền 11.000.000 đồng và đi về nhà. Á cầm tiền và đưa cho C 11.000.000 đồng như đã thỏa thuận. C cùng Á đến Trung tâm y tế huyện V để gặp T. Tại đây, T đưa cho Á 04 viên thuốc và hướng dẫn cách sử dụng, Á đã uống thuốc theo hướng dẫn của T. Đến sáng ngày 27/12/2019 khi khám sức khỏe, kết quả xét nghiệm nước tiểu của Á là dương tính với chất ma túy. Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện V tiếp tục có Lệnh gọi khám sức khỏe đối với Á vào ngày 11/01/2020, Á đã gọi điện báo cho T biết. Khoảng 11 giờ ngày 11/01/2020, Á đến gặp C lấy thuốc và uống như lần trước. Kết quả xét nghiệm nước tiểu của Á ngày 11/01/2020 là dương tính với chất ma túy. Nguồn gốc số tiền này là của Á gửi bà T1 giữ hộ.

Bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà là mẹ của Nguyễn Văn Á do Á không muốn đi nghĩa vụ quân sự nên tối ngày 26/12/2019 bà có đưa cho Á 11.000.000 đồng để Á đưa cho C. Nguồn gốc số tiền này là của Á gửi bà giữ hộ, bà không biết việc T đưa thuốc Efferalgan Codeine cho Á uống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Nguyễn Quốc T và Đặng Mạnh C** phạm tội “**Cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự**”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 335; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc T** từ 12 đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện V, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập hàng tháng của Nguyễn Quốc T để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành án.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 335; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Đặng Mạnh C** từ 10 đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập hàng tháng của Đặng Mạnh C để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành án.

Giao bị cáo **Nguyễn Quốc T** cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện V, tỉnh N; bị cáo **Đặng Mạnh C** cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh N và gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo trong thời gian cải tạo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền dùng vào việc phạm tội là 11.000.000 đồng.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S plus, thu giữ của T; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng, thu giữ của C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 prime, màu vàng, thu giữ của Á, là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo T xác định hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quốc T cùng đồng phạm như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố đối với bị cáo là đúng; một mặt đã phân tích, đánh giá vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mặt khác trên cơ sở đánh giá nhân thân, điều kiện phạm tội của bị cáo đồng thời nêu lên các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quốc T và Đặng Mạnh C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu hồi, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 26/12/2019, tại Trung tâm y tế huyện V, địa chỉ tại thị trấn M, huyện Gia Viễn, bị cáo Đặng Mạnh C đã có hành vi nhận số tiền 11.000.000 đồng của Nguyễn Văn Á, sau đó đưa cho Nguyễn Quốc T số tiền 10.000.000 đồng và cùng T đưa thuốc Efferalgan Codeine cho Á uống để khi Á khám tuyển nghĩa vụ quân sự, xét nghiệm nước tiểu sẽ dương tính với chất ma túy, nhằm làm cho Á không đủ

điều kiện theo quy định về sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự, không trúng tuyển nghĩa vụ quân sự, gây khó khăn ảnh hưởng đến kết quả của việc thực hiện nghĩa vụ quân sự của Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện V, vi phạm luật Nghĩa vụ quân sự.

Bộ luật Hình sự quy định:

Điều 335. Tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự

“1. Người nào cố ý cản trở việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, gọi nhập ngũ, gọi tập trung huấn luyện, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm...”

[3]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc T và Đặng Mạnh C đã nêu trên là phạm tội “Cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự” được quy định tại khoản 1 Điều 335 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến chế độ nghĩa vụ quân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mà còn tác động rất xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm minh để giáo dục cải tạo bị cáo và là bài học răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Mức hình phạt áp dụng được căn cứ vào tính chất tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án để quyết định cho phù hợp.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Quốc T và Đặng Mạnh C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo T đưa ra tại phiên tòa, đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có bố đẻ là thương binh, quá trình công tác nhiều năm được tặng giấy khen, chiến sỹ thi đua cơ sở; bị cáo C có ông nội là Liệt sỹ. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7]. Về nhân thân: Bị cáo Đặng Mạnh C từng bị kết án, nhưng đã được đương nhiên xóa án tích, nên được coi như chưa bị kết án. Bị cáo Nguyễn Quốc T và Đặng Mạnh C từng bị xử phạt vi phạm hành chính, đã chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính trên một năm, nên được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[8]. Đối với Nguyễn Quốc T là Bác sỹ đa khoa, biết được đặc tính công dụng của thuốc Efferalgan Codeine, nên T đã cho Nguyễn Văn Á uống để khi xét nghiệm nước tiểu dương tính với ma túy. Do vậy, T giữ vai trò đầu trong vụ án.

Đối với Đặng Mạnh C là đồng phạm, thực hiện tội phạm một cách tích cực. Do vậy, C giữ vai trò sau bị cáo T.

[9]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú và gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng theo Bảng thanh toán tiền lương đối với bị cáo Nguyễn Quốc T là 10.697.300 đồng/tháng thành tiền là 1.069.730 đồng/tháng; đối với bị cáo Đặng Mạnh C là 4.225.700 đồng/tháng thành tiền là 422.570 đồng/tháng, theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự. Cũng đủ điều kiện để các bị cáo học tập, cải tạo trở thành người có ích cho xã hội. Đồng thời vẫn đảm bảo được tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[10]. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đối với số tiền 11.000.000 đồng Đặng Mạnh C giao nộp, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định là tiền do phạm tội mà có. Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S plus, màu vàng thu giữ của T; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S, màu vàng thu giữ của C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 prime, màu vàng thu giữ của Á. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định các tài sản trên là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[11]. Đối với Nguyễn Văn Á là người đưa cho Đặng Mạnh C số tiền 11.000.000 đồng để nhờ C và T xin giúp không phải đi nghĩa vụ quân sự. Quá trình điều tra xác định: khi sử dụng thuốc Efferalgan Codeine mà T và C đưa, Á cũng biết rõ khi uống thuốc đi khám sức khỏe sẽ làm sai lệch kết quả khám sức khỏe, mục đích để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự. Tuy nhiên, trước khi thực hiện hành vi này, Á chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị kết án về tội “Trốn tránh nghĩa vụ quân sự”. Do đó, hành vi của Á chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn tránh nghĩa vụ quân sự” quy định tại Điều 332 Bộ luật hình sự. Vì vậy, chỉ cần xử lý vi phạm hành chính với Á về hành vi “Gian dối làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của mình nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự” theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị định 120 ngày 09/10/2013 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu là thỏa đáng. Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã chuyển phân tài liệu liên quan đề nghị UBND xã V ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn Á là phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Thị T1 là người đã nhờ ông Vũ Anh T2 tìm người xin cho Á không phải đi nghĩa vụ quân sự. Quá trình điều tra xác định: Bản thân bà T1 không biết việc C và T giúp Á không phải đi nghĩa vụ quân sự cụ thể bằng cách thức như thế nào và không biết việc T đưa thuốc Efferalgan Codeine cho Á sử dụng. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với bà Nguyễn Thị T1.

Đối với ông Vũ Anh T2, khi được bà T1 nhờ hỏi người xin giúp cho Á không phải đi nghĩa vụ quân sự, ông T2 đã nhận lời và nhờ C giúp. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định: Việc Á đưa tiền cho C để C đưa cho T, sau đó T và C đưa thuốc Efferalgan Codeine cho Á sử dụng, ông T2 không biết. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với ông Vũ Anh T2.

[12] **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Quốc T và Đặng Mạnh C** (Tên gọi khác **Đặng Văn C**), phạm tội **“Cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự”**.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 335; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc T** 12 (Mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện V, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ 10% thu nhập trong 12 (Mười hai) tháng, mỗi tháng là 1.069.730 đồng/tháng để sung ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 335; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đặng Mạnh C** (Tên gọi khác **Đặng Văn C**) 10 (Mười) tháng Cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ 10% thu nhập trong 10 (Mười) tháng, mỗi tháng là 422.570 đồng/tháng để sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo **Nguyễn Quốc T** cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện V, tỉnh N; bị cáo **Đặng Mạnh C** cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh N và gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo trong thời gian cải tạo.

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền dùng vào việc phạm tội là 11.000.000 đồng do **Đặng Mạnh C** giao nộp.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S plus, màu vàng, số IMEI: 353282076107124 thu giữ của T; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S, màu vàng, số IMEI: 355418072977866 thu giữ của C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 prime, màu vàng, số IMEI1: 355079/08/151631/7. số IMEI2: 355080/08/151631/5 thu giữ của Á, là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. (Số tiền tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Đặc điểm các vật

chứng tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/03/2020, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”.

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T và Đặng Mạnh C mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;

(Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thiện Thành